TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2022/DS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST-DS ngày 10/11/2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944. Có mặt.

Địa chỉ: T, phường H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức V. Có mặt.

Địa chỉ: T, phường H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những tài liệu có trong hồ sơ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau, nên bà Phạm Thị H có đặt vấn đề trực tiếp vay tiền của bà để làm ăn. Ngày 17/7/2019, bà H đã đến nhà bà Vvay số tiền là 70.000.000 đồng. Đôi bên thỏa thuận thời gian vay là 6 tháng, trả lãi hàng tháng với số tiền lãi là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau khi thỏa thuận bà Vđã trực tiếp đưa số tiền 70.000.000 đồng cho bà H. Khi giao tiền có anh Nguyễn Đức V (con trai bà V) chứng kiến. Ngày hôm sau bà H gửi bà "Giấy vay tiền", tại giấy vay tiền thể hiện chữ ký người vay tiền (H, Phạm Thị H) và (C, Nguyễn V C) với số tiền vay 70.000.000đ, lúc này bà mới ký vào người cho vay tiền "Nguyễn Thị V". Sau khi vay tiền, bà H đã trả số tiền lãi cho bà mỗi tháng là 3.150.000 đồng, trả từ tháng

7/2019 cho đến tháng 02/2020. Kể từ tháng 03/2020 cho đến nay bà H đã không trả cho bà số tiền gốc cũng như số tiền lãi theo thỏa thuận. Nhiều lần bà đã yêu cầu bà H phải có trách nhiệm thanh toán, song bà H đều khất nần, không trả. Do vậy, tại Đơn khởi kiện ngày 01/11/2021 bà đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H và anh C phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 70.000.000đ, bà tự nguyện không yêu cầu thanh toán trả tiền lãi.

Ngày 23/11/2021, bà Vxác định, bà và bà H là người trực tiếp thỏa thuận vay tiền, giao nhận tiền. Còn việc bà H cho con trai Nguyễn V C ký vào giấy vay tiền "C, Nguyễn V C", thì bà không nắm được. Bà không thỏa thuận cùng anh C. Do vậy, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh C phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho bà. Bà giữ nguyên yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc 70.000.000đ được trừ đi số tiền lãi bà H đã trả, bà tự nguyện tính tiền lãi là 1%/tháng/70.000.000 đồng = 700.000đ tiền lãi/tháng (bà H đã trả tiền lãi cho bà từ tháng 7/2019 cho đến tháng 02/2020 là 7 tháng x 3.150.000 đồng = 22.050.000đ, được trừ đi số tiền lãi nay bà tự nguyện tính là 1%/tháng, tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/12/2021 là 29 tháng x 700.000 đồng/tháng = 20.300.000 đồng). Số tiền lãi bà H đã trả 22.050.000 đồng – 20.300.000 đồng = 1.750.000 đồng, bà đồng ý đối trừ số tiền 1.750.000 đồng vào số tiền gốc (70.000.000đ- 1.750.000đ) = 68.250.000đ.

Do vậy, bà yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 68.250.000đ. Bà tự nguyện không yêu cầu tiền lãi suất kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (mở phiên tòa sơ thẩm) và tự nguyện không yêu cầu tiền lãi trên số tiền dư nợ gốc 68.250.000đ .

Bị đơn bà Phạm Thị H xác định: Do có quan hệ quen biết và có nhu cầu làm ăn, nên ngày 17/7/2019, bà có lên nhà bà Vhỏi vay số tiền 70.000.000 đồng, bà V đồng ý và hai bên có viết giấy vay tiền. Tại giấy vay tiền có chữ ký của bà và anh Nguyễn V C (con trai bà), bà xác định chỉ có bà vay tiền bà V. Anh C không hỏi vay, không chứng kiến việc bà Vcho bà vay tiền. Việc bà cho anh C ký tên vào giấy vay tiền chỉ là để làm tin cho bà V. Việc vay nợ này là do bà và bà Vvới nhau, không liên quan gì đến anh C. Giữa bà và bà Vthỏa thuận: bà Vcho bà vay số tiền 70.000.000đ, thời hạn 6 tháng, hàng tháng trả lãi 10.500.000 đồng/tháng/70.000.000đ (việc trả lãi này không thể hiện giấy tờ chứng minh). Thời gian đầu bà cũng trả lãi đầy đủ, sau đến hạn thanh toán do làm ăn khó khăn bà có đến xin bà Vkhông trả lãi nữa và chỉ trả tiền gốc và đề nghị gia hạn thêm 6 tháng nữa. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, bà vẫn chưa thanh toán được số tiền nợ gốc 70.000.000đ cho bà V.

Nay bà Vyêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc 68.250.000 đồng (sau khi được đối trừ như trên) thì bà cũng đồng ý. Tuy nhiên bà xác định hiện tại bà làm ăn kinh

tế khó khăn, không có tiền trả cho bà Vngay được. Sau này có tiền bà sẽ trả cho bà Vsau.

Quá trình Tòa án triệu tập anh Nguyễn V C không có mặt. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về việc vay nợ giữa bà Vvà bà H, địa phương không xác nhận, hiện anh C làm ăn tại đâu địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vgiữ nguyên yêu cầu buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 68.250.000đ. Bà tự nguyện không yêu cầu tiền lãi suất kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (mở phiên tòa sơ thẩm) và tự nguyện không yêu cầu tiền lãi trên số tiền dư nợ gốc 68.250.000đ .

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Còn đối với bị đơn: Không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Vsố tiền 68.250.000 đồng. Bà Vtự nguyện không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi suất từ 18/12/2020 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án và số tiền lãi trên dư nợ gốc nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chấp nhận miễn án phí dân sự cho bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vvề việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bà Phạm Thị H tại KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý, giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt bà H theo thẩm quyền là phù hợp.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Năm 2019 bà Nguyễn Thị Vvà bà Phạm Thị H có thỏa thuận: Bà Vcho bà H vay số tiền là 70.000.000đ, thời hạn vay là 6 tháng được tính kể từ ngày 17/7/2019. Đôi bên có viết Giấy vay tiền (thể hiện ngày 17/8/2019). Căn cứ vào lời trình bày của các bên, phù hợp với giấy vay tiền được khất lại, nên xác định ngày 17/7/2019 bà Vcho bà H vay số tiền là 70.000.000đ. Quá trình thanh toán bà Vcho rằng bà H đã trả cho bà Vsố tiền lãi là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng là 3.150.000 đồng, trả từ tháng 7/2019 cho đến tháng 02/2020 được 22.050.000 đồng. Còn bà H lại cho rằng bà đã trả tiền lãi suất là 10.500.000 đồng/tháng/70.000.000đ, đã trả lãi

được 6 tháng, song không có tài liệu chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào lời trình bày của bà V, cũng như yêu cầu về việc trả lãi nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại là 68.250.000đ cho bà Nguyễn Thị Vlà phù hợp.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Vđề nghị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu "Buộc anh Nguyễn V C và bà Phạm Thị H cùng phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Vsố tiền nợ gốc là 70.000.000đ", thành "buộc bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 68.250.000đ", bà tự nguyện không yêu cầu tiền lãi suất kể từ ngày 18/12/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (mở phiên tòa sơ thẩm) và tự nguyện không yêu cầu tiền lãi trên số tiền dư nợ gốc 68.250.000đ. Xét yêu cầu thay đổi của bà Vlà có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét trách nhiệm của anh Nguyễn V C trong vụ án là phù hợp. Đối với yêu cầu tính lãi suất, xét đây là sự tự nguyện của bà V, nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Song bà H có đơn đề nghị miễn án phí. Xét bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên cần chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 275,278, 280, 463, 465, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Vsố tiền nợ gốc còn lại là 68.250.000đ *(Sáu tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Vyêu cầu thi hành khoản tiền trên mà bà Phạm Thị H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị H.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Toà án báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả tH thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân thị xã K;
-Chi cục THA dân sự thị xã K;
-Lưu: hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hiền